

<p>B. Bài cũ Ôn tập tiết 2.</p> <p>C. Bài mới</p> <p>1. Giới thiệu bài : Nêu mục tiêu tiết học và ghi tên bài lên bảng.</p> <p>2. Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng Tiến hành tương tự như tiết 1.</p> <p>3. Ôn luyện cách đặt và trả lời câu hỏi: ở đâu?</p> <p>Bài 2. Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?</p> <p>+ Câu hỏi “Ở đâu?” dùng để hỏi về nội dung gì? - Hãy đọc câu văn trong phần a.</p> <p>-Hãy đặt câu hỏi có cụm từ ở đâu cho câu văn trên. Yêu cầu HS tự làm các phần còn lại của bài, sau đó gọi ý một số HS đọc câu hỏi của mình. Nghe và nhận xét, cho điểm từng HS.</p> <p>4. Ôn luyện cách dùng dấu chấm hỏi, dấu phẩy. +Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?</p> <p>-Dấu chấm hỏi được dùng ở đâu? Sau dấu chấm hỏi có viết hoa không?</p> <p>-Dấu phẩy đặt ở vị trí nào trong câu? Sau dấu phẩy ta có viết hoa không?</p> <p>-Gọi 1 HS lên làm bài trên bảng lớp. Cả lớp làm bài vào vở Bài tập Tiếng Việt 2, tập hai.</p> <p>Yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn trên bảng. Nhận xét và cho điểm HS.</p> <p>D. Cũng cố – Dặn dò: Câu hỏi “Ở đâu?”</p>	<p>-Bài tập yêu cầu chúng ta: Đặt câu hỏi có cụm từ Ở đâu? cho những câu sau.</p> <p>+ Câu hỏi Ở đâu? dùng để hỏi về địa điểm, vị trí, nơi chốn. Đọc: Giữa cánh đồng, đàn trâu đang thung thăng gặm cỏ. -Đàn trâu đang thung thăng gặm cỏ ở đâu? Làm bài: b) Chú mèo mướp vẫn nằm lì ở đâu? c) Tàu Phương Đông buông neo ở đâu? d) Chú bé đang say mê thổi sáo ở đâu?</p> <p>+Điền dấu chấm hỏi hay dấu phẩy vào mỗi ô trống trong truyện vui sau? -Dấu chấm hỏi dùng để đặt cuối câu hỏi. Sau dấu chấm hỏi ta phải viết hoa. -Dấu phẩy đặt ở giữa câu, sau dấu phẩy ta không viết hoa vì phần trước dấu phẩy thường chưa thành câu.</p> <p>Làm bài: - Đạt lên năm tuổi. Cậu nói với bạn: Chiến này, mẹ cậu là cô giáo, sao cậu chẳng biết viết một chữ nào?</p> <p>- Câu hỏi “Ở đâu?” dùng để hỏi về</p>
--	---

dùng để hỏi về nội dung gì? Dẫn dò HS về nhà ôn lại kiến thức về mẫu câu hỏi “Ở đâu?” và cách dùng dấu chấm hỏi, dấu phẩy. Chuẩn bị: Tiết 4.	địa điểm, nơi chốn, vị trí. HS khá, giỏi thực hiện được đầy đủ BT2
---	--

*****📖*****

Tiết 4. CHÍNH TẢ :

ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II (Tiết 4)

I. MỤC TIÊU :

- Mức độ đọc yêu cầu kĩ năng đọc như ở Tiết 1.
- Biết đáp lời chúc mừng theo tình huống cho trước (BT2); biết đặt và trả lời câu hỏi có cụm từ như thế nào (BT3).
- Ham thích môn học.

II. CHUẨN BỊ :

Phiếu ghi sẵn tên các bài tập đọc và học thuộc lòng từ tuần 28 đến tuần 34.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC :

<i>HOẠT ĐỘNG CỦA GV</i>	<i>HOẠT ĐỘNG CỦA HS</i>
<p>A. Khởi động</p> <p>B. Bài cũ : Ôn tập tiết 3.</p> <p>C. Bài mới :</p> <p>1. Giới thiệu bài : Nêu mục tiêu tiết học và ghi tên bài lên bảng.</p> <p>2. Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng Tiến hành tương tự như tiết 1.</p> <p>3. Ôn luyện cách đáp lời chúc mừng</p> <p>Bài 2 : Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hãy đọc các tình huống được đưa ra trong bài. - Khi ông bà ta tặng quà chúc mừng sinh nhật em, theo em ông bà sẽ nói gì? - Khi đó em sẽ đáp lại lời của ông bà ntn? -Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi để tìm lời đáp cho các tình huống còn lại. -Yêu cầu một số cặp HS đóng vai thể hiện lại các tình huống trên. Theo dõi và nhận xét, cho điểm HS. 	<p>Hát</p> <p>-Đáp lại lời chúc mừng của người khác.</p> <p>-1 HS đọc thành tiếng, cả lớp đọc thầm.</p> <p>- Ông bà sẽ nói: Chúc mừng sinh nhật cháu. Chúc cháu ngoan và học giỏi./ Chúc mừng cháu. Cháu hãy cố gắng ngoan hơn và học giỏi hơn nhé./...</p> <p>HS nối tiếp nhau phát biểu ý kiến: Thực hiện yêu cầu của GV.</p>

<p>4. Ôn luyện cách đặt câu hỏi với cụm từ ntn Câu hỏi có cụm từ <i>như thế</i> nào dùng để hỏi về điều gì? Hãy đọc câu văn trong phần a. Hãy đặt câu có cụm từ <i>như thế</i> nào để hỏi về cách đi của gấu. Yêu cầu cả lớp làm bài vào <i>Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập hai</i>.</p> <p>Nhận xét và cho điểm HS. D. Củng cố – Dặn dò: Nhận xét giờ học. Dặn dò HS về nhà ôn lại kiến thức của bài và chuẩn bị bài sau: Ôn tập tiết 5.</p>	<p>1 HS đọc thành tiếng, cả lớp theo dõi SGK. -Dùng để hỏi về đặc điểm. <i>Gấu đi lặc lè.</i> <i>Gấu đi như thế nào?</i></p> <p>-HS viết bài, sau đó một số HS trình bày bài trước lớp. b) <i>Sư tử giao việc cho bè tôi như thế nào?</i> c) <i>Vẹt bắt chước tiếng người như thế nào?</i></p>
---	---

*****📖*****

Tiết 1. TIẾNG VIỆT :

ÔN LUYỆN

I. MỤC TIÊU:

- Viết đúng chính tả đoạn đầu của bài Sơn Tinh, Thủy Tinh.
- GV hướng dẫn HS làm một số bài tập chính tả dạng phân biệt tr, ch, dấu ngã, dấu hỏi. HS biết vận dụng để làm một số bài tập đúng.

II. CHUẨN BỊ:

Vở bài tập tiếng việt lớp 2 tập 2.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

<i>HOẠT ĐỘNG CỦA GV</i>	<i>HOẠT ĐỘNG CỦA HS</i>
<p>A. Kiểm tra bài cũ. GV kiểm tra vở bài tập của HS.</p> <p>B. Bài mới : HS viết đoạn đầu của bài Sơn Tinh, Thủy Tinh. GV hướng dẫn HS làm các bài tập sau : Bài 1: Điền tr hoặc ch vào chỗ trống: • Âm cần điền là : trú mưa, truyền tin, chú ý, chuyền cảnh,</p>	<p>HS để vở bài tập lên bàn.</p> <p>HS viết và trình bày đoạn đầu của bài: Sơn Tinh và Thủy Tinh. HS làm bài tập vào vở. - ...ú mưa, ...uyền tin,</p>

<p>chở hàng, trở về.</p> <p>Bài 2. Tìm từ ngữ:</p> <p>a) Tìm tiếng có chứa âm tr, ch</p> <p>b) Điền dấu hỏi hay dấu ngã vào chữ in đậm trong các tiếng sau : Điền dấu đúng là: Số chẫn, số lẻ, chăm chỉ, lòng lẻo, mệt mỏi, buồn bã.</p> <p>C. Củng cố , dặn dò: GV nhận xét giờ học.</p>	<p>- ...ú ý , ...uyên cãnh - ...ở hàng, ... ở về HS chơi trò chơi tìm từ. - Chối rom, cha mẹ, chú bác, chào hỏi, chậm chạp,... - Trang trọng, trung thành, truyện, truyền tin, trường học,...</p> <p>- Số chẫn, số le, chăm chỉ, lòng leo, mệt moi, buồn ba.</p> <p>Về nhà tìm nhiều tiếng hơn nữa.</p>
---	---

*****📖*****

Tiết 2. TOÁN :

ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU: Củng cố kiến thức về cộng, trừ. Giải toán có lời văn.

II. CHUẨN BỊ: Hệ thống bài tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. Kiểm tra :</p> <p>B. Bài ôn tập</p> <p>1. Phân giới thiệu</p> <p>2. Luyện tập.</p> <p>Bài 1: Tính. $16l + 6l =$ $2l + 2l + 2l =$ $20l - 10l =$ $6l - 2l - 2l =$</p> <p>Bài 2: Đặt tính rồi tính. $98 + 2$; $77 + 23$; $65 + 3$; $39 + 61$</p> <p>Bài 3: Giải bài toán theo tóm tắt sau: Lần đầu bán : 35kg đường Lần sau bán : 40kg đường Cả hai lần bán : □.kg đường ? G/V: hướng dẫn học sinh làm bài. G/V : Tổ chức lớp chữa bài tập</p> <p>Bài 4: Hoa cao 98cm, Bình thấp hơn Hoa 8cm. Hỏi Bình cao bao nhiêu cm?</p>	<p>-Vài em nhắc lại tựa bài.</p> <p>- HS đặt tính và tính.</p> <p>- HS giải bài vào vở. Giải . Số kg đường bán được là: $35 + 40 = 75$ (kg) Đáp số : 75kg</p> <p>- HS giải bài vào vở. Giải .</p>

<p>C. Củng cố — dặn dò Hệ thống các dạng bài tập . Dặn bài tập về nhà.</p>	<p>Chiều cao của Bình là: $98 - 8 = 90(\text{cm})$ Đáp số : 90m .</p>
---	--

*****📖*****

Tiết 1. TOÁN :

LUYỆN TẬP CHUNG

I. MỤC TIÊU

- Biết xem đồng hồ. Biết làm tính cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100.
- Biết làm tính cộng, trừ không nhớ các số có ba chữ số.
- Biết tính giá trị của biểu thức số có hai dấu phép tính.
- Biết tính chu vi hình tam giác.
- Bài 1, Bài 2, Bài 3 (a), Bài 4 (dòng 1), Bài 5
- Ham thích học toán.

II. CHUẨN BỊ: Bảng phụ. Vở.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. Khởi động B. Bài cũ : HS chữa bt 4 tiết trước Bao gạo nặng là: $35 + 9 = 44 (\text{kg})$ Đáp số: 44kg. C. Bài mới : 1. Giới thiệu bài : Nêu mục tiêu tiết học và ghi tên lên bảng. 2. Hướng dẫn ôn tập. Bài 1: Yêu cầu HS xem đồng hồ và đọc giờ trên đồng hồ. -NX, cho điểm HS Bài 2: Yêu cầu HS nhắc lại các so sánh các số có 3 chữ số với nhau, sau đó tự làm bài vào vở bài tập. Bài 3: Yêu cầu HS nhắc lại cách đặt tính và thực hành tính theo cột dọc, sau đó làm bài tập. Bài 4: Yêu cầu HS tự làm bài, sau đó nêu</p>	<p>Hát 2 HS lên bảng sửa bài, bạn nhận xét. -Thực hiện yêu cầu của GV. 3 HS làm bài trên bảng lớp, cả lớp làm bài vào vở bài tập. -HS làm bài vào vở. -NX, chữa bài. -HS làm bài vào vở. -NX, chữa bài.</p>

<p>cách thực hiện tính. Chữa bài và cho điểm HS. Bài 5: Yêu cầu HS nhắc lại cách tính chu vi hình tam giác, sau đó làm bài.</p> <p>D. Cũng cố – Dặn dò: Tổng kết tiết học và giao các bài tập bổ trợ kiến thức cho HS. Chuẩn bị: Luyện tập chung.</p>	<p>Bài giải Chu vi của hình tam giác là: $5\text{cm} + 5\text{cm} + 5\text{cm} = 15\text{cm}$ hoặc $5\text{cm} \times 3 = 15\text{cm}$.</p>
---	---

*****📖📚*****

Tiết 2. TẬP ĐỌC :

ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II (Tiết 5)

I. MỤC TIÊU :

- Mức độ đọc yêu cầu kỹ năng đọc như ở Tiết 1.
- Biết đáp lời khen ngợi theo tình huống cho trước (BT2); biết đặt và trả lời câu hỏi có cụm từ vì sau (BT3).
- Ham thích môn học.

II. CHUẨN BỊ:

- Phiếu ghi sẵn tên các bài tập đọc và học thuộc lòng từ tuần 28 đến tuần 34.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. Khởi động B. Bài cũ : Ôn tập tiết 4. C. Bài mới : 1. Giới thiệu bài : Nêu mục tiêu tiết học và ghi tên bài lên bảng. 2. Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng Tiến hành tương tự như tiết 1. 3. Ôn luyện cách đáp lời khen ngợi của người khác Bài 2 : Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì? -Hãy đọc các tình huống mà bài đưa ra. -Hãy nêu tình huống a. -Hãy tưởng tượng em là bạn nhỏ trong tình huống trên và được bà khen ngợi, em sẽ nói</p>	<p>Hát</p> <p>-Bài tập yêu cầu chúng ta nói lời đáp lại lời khen ngợi của người khác trong một số tình huống. -1 HS đọc thành tiếng. Cả lớp đọc thầm theo. -Bà đến nhà chơi, con bật ti vi cho bà xem. Bà khen: “Cháu bà giỏi quá!” -HS nối tiếp nhau phát biểu ý kiến:</p>

<p>gì để bà vui lòng. -Nhận xét và cho điểm HS. 4. Ôn luyện cách đặt câu hỏi có cụm từ Vì sao : -Yêu cầu 1 HS đọc đề bài. -Yêu cầu HS đọc các câu văn trong bài. -Hãy đặt câu hỏi có cụm từ <i>vì sao</i> cho câu văn trên. -Yêu cầu HS trả lời câu hỏi trên. -Vậy câu hỏi có cụm từ vì sao dùng để hỏi về điều gì? -Yêu cầu 2 HS ngồi cạnh thực hành hỏi đáp với các câu còn lại. Sau đó gọi một số cặp lên trình bày trước lớp, 1 em đặt câu hỏi, em kia trả lời. Nhận xét và cho điểm từng HS. D. Củng cố – Dặn dò: Khi đáp lại lời khen ngợi của người khác, chúng ta cần phải có thái độ ntn? -Dặn dò HS về nhà ôn lại kiến thức của bài và chuẩn bị bài sau: Ôn tập tiết 6.</p>	<p>-1 HS đọc thành tiếng, cả lớp đọc thầm theo. -1 HS đọc bài trước lớp, cả lớp theo dõi bài trong SGK. -Vì khôn ngoan, Sư Tử điều binh khiển tướng rất tài. -Vì sao Sư Tử điều binh khiển tướng rất tài? -Vì Sư Tử rất khôn ngoan. -Hỏi về lí do, nguyên nhân của một sự vật, sự việc nào đó. b) <i>Vì sao người thủy thủ có thể thoát nạn?</i> c) <i>Vì sao Thủy Tinh đuổi đánh Sơn Tinh?</i> - Chúng ta thể hiện sự lịch sự, đúng mực, không kiêu căng.</p>
--	---

*****📖*****

Tiết 4. TẬP VIẾT :

ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II (Tiết 6)

I. MỤC TIÊU :

- Mức độ đọc yêu cầu kĩ năng đọc như ở Tiết 1.
 - Biết đáp lời từ chối theo tình huống cho trước (BT2); tìm được bộ phận trong câu trả lời cho câu hỏi *Để làm gì?* (BT3); điền đúng dấu chấm than, dấu phẩy vào chỗ trống trong đoạn văn (BT4)
- Ham thích môn học.

II. CHUẨN BỊ : Phiếu ghi sẵn tên các bài học thuộc lòng từ tuần 28 đến tuần 34.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
A. Khởi động	Hát
B. Bài cũ : Ôn tập tiết 5.	

<p>C. Bài mới :</p> <p>1. Giới thiệu bài : Nêu mục tiêu tiết học và ghi tên bài lên bảng.</p> <p>2. Kiểm tra lấy điểm học thuộc lòng Tiến hành tương tự như tiết 1.</p> <p>3. Ôn luyện cách đáp lời từ chối của người khác</p> <p>Bài 2 : Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?</p> <p>-Hãy đọc các tình huống được đưa ra trong bài. -Yêu cầu HS nêu lại tình huống a.</p> <p>-Nếu em ở trong tình huống trên, em sẽ nói gì với anh trai?</p> <p>4. Ôn luyện cách đặt và trả lời câu hỏi có cụm từ để làm gì?</p> <p>Bài 3 : Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?</p> <p>-Yêu cầu HS đọc các câu văn trong bài. -Yêu cầu HS đọc lại câu a.</p> <p>-Anh chiến sĩ kê lại hòn đá để làm gì?</p> <p>-Đâu là bộ phận trả lời câu hỏi có cụm từ <i>để làm gì</i> trong câu văn trên? Yêu cầu HS suy nghĩ và tự làm bài. Sau đó, một số HS trình bày trước lớp.</p> <p>5. Ôn luyện cách dùng dấu chấm than, dấu phẩy :</p> <p>-Nêu yêu cầu của bài, sau đó yêu cầu HS tự làm bài tập. -Gọi 1 HS đọc bài làm, đọc cả dấu câu.</p>	<p>-Bài tập yêu cầu chúng ta: Nói lời đáp cho lời từ chối của người khác trong một số tình huống. -1 HS đọc thành tiếng trước lớp, cả lớp theo dõi bài trong SGK. -Em xin anh cho đi xem lớp anh đá bóng. Anh nói: “Em ở nhà làm cho hết bài tập đi.” -HS nối tiếp nhau phát biểu ý kiến: Một số HS trình bày trước lớp, cả lớp theo dõi và nhận xét.</p> <p>-Tìm bộ phận của mỗi câu sau trả lời câu hỏi <i>để làm gì</i>? -1 HS đọc bài thành tiếng, cả lớp theo dõi bài trong SGK. -Để người khác qua suối không bị ngã nữa, anh chiến sĩ kê lại hòn đá bị kênh. -Để người khác qua suối không bị ngã nữa. -Đó là: <i>Để người khác qua suối không bị ngã nữa.</i> b) <i>Để an ủi sơn ca.</i> c) <i>Để mang lại niềm vui cho ông lão tốt bụng.</i></p> <p>-Làm bài vào <i>Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập hai.</i> -<i>Dùng rất hay nghịch bản nên ngày nào bố mẹ cũng phải tắm cho cậu dưới vòi hoa sen.</i></p>
---	---

<p>-Yêu cầu HS cả lớp nhận xét sau đó kết luận về lời giải đúng và cho điểm HS. D. Củng cố – Dặn dò: Nhận xét tiết học. Dặn dò HS về nhà tập kể về con vật mà em biết cho người thân nghe. Chuẩn bị: Ôn tập tiết 7.</p>	<p>Một hôm ở trường, thầy giáo nói với Dũng: <i>Ồ! Đạo này con chóng lớn quá!</i> Dũng trả lời: <i>Thưa thầy, đó là vì ngày nào bố mẹ con cũng tưới cho con đầy ạ.</i></p>
--	---

*****📖*****

Tiết 2. TOÁN :

ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU. Củng cố kỹ năng tìm số bị trừ, bảng công trừ. Giải toán có lời văn.

II. CHUẨN BỊ : Hệ thống bài tập .

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. Kiểm tra : B. Bài ôn : 1. Giới thiệu bài 2. Luyện tập. Bài 1: Yêu cầu HS đọc thuộc lòng bảng cộng trừ đã học. Bài 2: Tìm x $x - 12 = 26$ $x - 5 = 9$ $x - 17 = 32$ $x - 13 = 10$ Bài 3: Đặt tính rồi tính $46 - 17$ $72 - 31$ $88 - 29$ $50 - 13$ Bài 4 : Giải bài toán theo tóm tắt. - Lan có: 34 que tính. - Hoa nhiều hơn Lan: 18 que tính. - Hỏi Hoa: ... Que tính ? G/V: hướng dẫn học sinh làm bài .</p>	<p>-Vài em nhắc lại tựa bài. - HS đọc. - Lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung. -Lớp làm bài vào vở $x = 38$ $x = 14$ $x = 49$ $x = 23$ - HS đặt tính rồi tính. Giải . Số que tính của Hoa là: $34 + 18 = 52$ (que) Đáp số : 52 que tính..</p>

<p>G/V : Tổ chức lớp chữa bài tập</p> <p>C. Củng cố - dặn dò :</p> <p>Hệ thống các dạng bài tập .</p> <p>- Dặn bài tập về nhà.</p>	
---	--

Tiết 2. TOÁN :

LUYỆN TẬP CHUNG

I. MỤC TIÊU :

- Biết so sánh các số. Biết làm tính cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100. Biết làm tính cộng, trừ không nhớ các số có ba chữ số. Biết giải bài toán về ít hơn có liên quan đến đơn vị đo độ dài.
- Bài 1, Bài 3, Bài 4
- Ham thích học toán.

II. CHUẨN BỊ : Bảng phụ. Vở.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. Khởi động</p> <p>B. Bài cũ : Sửa bài 5</p> <p>Chu vi của hình tam giác là:</p> $5\text{cm} + 5\text{cm} + 5\text{cm} = 15\text{cm}$ hoặc $5\text{cm} \times 3 = 15\text{cm}.$ <p>C. Bài mới :</p> <p>1. Giới thiệu bài : Nêu mục tiêu tiết học và ghi tên lên bảng.</p> <p>2. Hướng dẫn ôn tập.</p> <p>Bài 1: Yêu cầu HS tự nhẩm và ghi kết quả vào vở bài tập.</p> <p>Bài 3: Yêu cầu HS nhắc lại cách đặt tính và thực hành tính theo cột dọc, sau đó làm bài tập.</p> <p>Bài 4: Gọi 1 HS đọc đề bài. Yêu cầu HS làm bài.</p>	<p>Hát</p> <p>2 HS lên bảng sửa bài, bạn nhận xét.</p> <p>-Tự làm bài, sau đó 2 HS ngồi cạnh nhau đổi chéo vở để kiểm tra bài nhau.</p> <p>-3 HS làm bài trên bảng lớp, cả lớp làm bài vào vở bài tập.</p> <p>-HS làm bài.</p> <p>-NX, chữa bài</p> <p>-1 em đọc cả lớp đọc thầm.</p> <p>-Tóm tắt bài và giải bài</p> <p>Bài giải</p> <p>Tám vải hoa dài là:</p> $40 - 16 = 24 \text{ (m)}$ Đáp số: 24m.

D. Cũng cố – Dặn dò : Tổng kết tiết học và giao các bài tập bổ trợ kiến thức cho HS. Chuẩn bị: Thi cuối kỳ 2.	
--	--

*****📖*****

Tiết 3. LUYỆN TỪ VÀ CÂU :

ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II (Tiết 7)

I. MỤC TIÊU :

- Mức độ đọc yêu cầu kĩ năng đọc như ở Tiết 1.
- Biết đáp lời an ủi theo tình huống cho trước (BT2). Dựa vào tranh, kể lại được câu chuyện đúng ý và đặt tên cho câu chuyện vừa kể (BT3).
- Ham thích môn học.

II. CHUẨN BỊ: Phiếu ghi sẵn tên các bài học thuộc lòng từ tuần 28 đến tuần 34.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. Khởi động</p> <p>B. Bài cũ : Ôn tập tiết 6.</p> <p>C. Bài mới :</p> <p>1. Giới thiệu bài : Nêu mục tiêu tiết học và ghi tên bài lên bảng.</p> <p>2. Kiểm tra lấy điểm học thuộc lòng Tiến hành tương tự như tiết 1.</p> <p>3. Ôn luyện Bài 2 : Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?</p> <p>- Hãy đọc các tình huống được đưa ra trong bài. - Yêu cầu HS nêu lại tình huống a.</p> <p>-Nếu em ở trong tình huống trên, em sẽ nói gì với bạn?</p> <p>- Nhận xét, sau đó yêu cầu HS suy nghĩ và tự làm các phần còn lại của bài.</p> <p>4. Ôn luyện cách kể chuyện theo tranh Bài 3 : Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?</p>	<p>Hát</p> <p>-Bài tập yêu cầu chúng ta: Nói lời đáp cho lời an ủi của người khác trong một số tình huống.</p> <p>-1 HS đọc thành tiếng trước lớp, cả lớp theo dõi bài trong SGK.</p> <p>-Em bị ngã đau. Bạn chạy đến đỡ em dậy, vừa xoa chỗ đau cho em vừa nói: “Bạn đau lắm phải không?”</p> <p>-HS nối tiếp nhau phát biểu ý kiến: Một số HS trình bày trước lớp, cả lớp theo dõi và nhận xét.</p> <p>-Kể chuyện theo tranh rồi đặt tên cho</p>

<p>-Yêu cầu HS quan sát từng bức tranh. -Bức tranh 1 vẽ cảnh gì?</p> <p>- Chuyện gì đã xảy ra sau đó? Hãy quan sát và tìm câu trả lời ở bức tranh thứ 2.</p> <p>-Bức tranh thứ 3 cho ta biết điều gì?</p> <p>-Bức tranh 4 cho ta thấy thái độ gì của hai anh em sau khi bạn trai giúp đỡ con gái? -Yêu cầu HS chia nhóm, mỗi nhóm 4 HS cùng tập kể lại truyện trong nhóm, sau đó gọi một số HS trình bày trước lớp.</p> <p>-Nhận xét và cho điểm từng HS. -Dựa vào nội dung câu chuyện, hãy suy nghĩ và đặt tên cho truyện.</p> <p>D. Củng cố – Dặn dò: Khi đáp lại lời an ủi của người khác, chúng ta cần phải có thái độ ntn? - Dặn dò HS về nhà ôn lại kiến thức và chuẩn bị bài sau: Ôn tập tiết 8.</p>	<p>câu chuyện.</p> <p>-Quan sát tranh minh hoạ. -Một bạn trai đang trên đường đi học. Đi phía trước bạn là một bé gái mặc chiếc váy hồng thật xinh xắn. -Bỗng nhiên, bé gái bị vấp ngã xống xoài trên hè phố. Nhìn thấy vậy, bạn nam vội vàng chạy đến nâng bé lên. -Ngã đau quá nên bé gái cứ khóc hoài. Bạn trai nhẹ nhàng phủi đất cát trên người bé và an ủi: “Em ngoan, nín đi nào. Một lát nữa là em sẽ hết đau thôi” -Hai anh em vui vẻ dắt nhau cùng đi đến trường. -Kể chuyện theo nhóm.</p> <p>-Kể chuyện trước lớp, cả lớp nghe và nhận xét lời kể của các bạn.</p> <p>-Suy nghĩ, sau đó nối tiếp nhau phát biểu ý kiến: Giúp đỡ em nhỏ, Cậu bé tốt bụng, ... -Chúng ta thể hiện sự lịch sự, đúng mực.</p>
---	---

*****📖*****

Tiết 4. CHÍNH TẢ :

ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II (Tiết 8)

I. MỤC TIÊU :

- Ôn luyện về từ trái nghĩa.
- Ôn luyện về cách dùng dấu câu trong một đoạn văn.
- Viết đoạn văn ngắn từ 3 đến 5 câu nói về em bé.

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC :

Phiếu bài tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p>A. Kiểm tra bài cũ :</p> <p>B. Bài ôn :</p> <p>1. Giới thiệu bài : Nêu mục tiêu tiết học và ghi tên bài lên bảng.</p> <p>2. Củng cố vốn từ về các từ trái nghĩa :</p> <p>Bài 1. Chia lớp thành 4 nhóm. Phát cho mỗi nhóm một bảng như SGK, 1 bút màu, sau đó yêu cầu các nhóm thảo luận để tìm các cặp từ trái nghĩa trong bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe các nhóm trình bày và tuyên dương nhóm tìm đúng, làm bài nhanh. <p>Bài 2. Bài tập yêu cầu các em làm gì ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS suy nghĩ để tự làm bài trong <i>Vở Bài tập Tiếng Việt 2, tập 2.</i> - Gọi HS chữa bài - Nhận xét và cho điểm HS. <p>3. Viết đoạn văn ngắn từ 3 đến 5 câu để nói về em bé.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc đề bài. - Em bé mà em định tả là em nào ? - Tên của em bé là gì ? - Hình dáng của em bé có gì nổi bật ? (Đôi mắt, khuôn mặt, mái tóc, dáng đi,...) - Tính tình của bé có gì đáng yêu ? - Yêu cầu HS suy nghĩ và viết bài. - Nhận xét và cho điểm HS. <p>C. Củng cố dặn dò :</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhắc lại đầu bài. - Các nhóm cùng thảo luận để tìm từ. Đại diện các nhóm trình bày trước lớp. <i>đen >< trắng ; phải >< trái ; sáng >< tối; tốt >< xấu ; hiền >< giữ ; ít >< nhiều; gầy >< béo.</i> - Bài tập yêu cầu chọn dấu câu thích hợp để điền vào chỗ trống. - Làm theo yêu cầu <i>Bé Sơn rất xinh. Da bé trắng hồng, má phình phính, môi đỏ, tóc hoe vàng. Khi bé cười, cái miệng không răng toét rộng, trông yêu ơi là yêu !</i> - Cả lớp theo dõi bài bạn và nhận xét. - 1 HS đọc thành tiếng. Cả lớp đọc thầm theo. - Là em gái (trai) của em. Là con nhà di em... - Tên bé là Hồng. - Đôi mắt : <i>to, tròn, đen láy, nhanh nhẹn,...</i> - Khuôn mặt : <i>bầu bĩnh, sáng sủa, thông minh, xinh xinh,...</i> - Mái tóc : <i>đen nháy, hơi nâu, heo vàng,...</i> - Dáng đi : <i>chập chững, lon ton, lẫm chẫm,....</i> - <i>ngoan ngoãn, biết vâng lời, hay cười, hay làm nũng,...</i> - Viết bài, sau đó một HS đọc bài trước lớp. Cả lớp theo dõi và nhận xét.

- Nhận xét tiết học. - Dặn HS về nhà ôn lại bài.	
---	--

*****📖*****

Tiết 2. TIẾNG VIỆT :

ÔN LUYỆN

I. MỤC TIÊU:

Mở rộng và hệ thống hóa vốn từ về các con vật sông ở dưới nước. Luyện tập về cách dùng dấu phẩy trong đoạn văn.

II. CHUẨN BỊ:

Phiếu bài tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS				
<p>A. Kiểm tra bài cũ: - Vì sao Sơn Tinh lấy được My Nương ? - Vì sao Thủy Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh? - Vì sao nước ta có nạn lụt? GV nhận xét.</p> <p>B. Bài mới: GV hướng dẫn HS làm bài Bài 1. - Treo bức tranh về các loài cá.</p> <p>GV nhận xét và chữa bài.</p> <p>Bài 2 GV treo tranh</p> <p>Bài 3. HS làm bài trong vở BT</p>	<p>- Sơn Tinh đến trước Thủy tinh nên lấy được My Nương. - Vì Thủy tinh đến sau không lấy được My Nương nên dâng nước đánh Sơn Tinh. - Vì Thủy Tinh dâng nước trả thù Sơn Tinh.</p> <p>HS đọc tên các loài cá trong tranh. Tìm cá ở nước ngọt, cá ở nước mặn</p> <table border="1"> <tr> <td>Cá nước mặn (cá biển)</td> <td>Cá nước ngọt (cá ở sông, hồ, ao)</td> </tr> <tr> <td>Cá thu, cá chim, cá chuồn, cá nục</td> <td>Cá mè, cá chép, cá trê, cá quả (cá chuối)</td> </tr> </table> <p>HS đọc yêu cầu của bài, đọc tên các con vật có trong tranh. - tôm, sứa, ba ba.</p> <p>- Trăng trên sông, trên đồng, trên làng quê, tôi đã thấy nhiều...Càng lên cao, trăng</p>	Cá nước mặn (cá biển)	Cá nước ngọt (cá ở sông, hồ, ao)	Cá thu, cá chim, cá chuồn, cá nục	Cá mè, cá chép, cá trê, cá quả (cá chuối)
Cá nước mặn (cá biển)	Cá nước ngọt (cá ở sông, hồ, ao)				
Cá thu, cá chim, cá chuồn, cá nục	Cá mè, cá chép, cá trê, cá quả (cá chuối)				

GV nhận xét C. Củng cố, dặn dò: GV nhận xét giờ học	càng nhỏ dần, càng vàng dần, càng nhẹ dần. 2 HS đọc lại -Về nhà kể lại cho người thân nghe các con vật đã học ngày hôm nay.
--	---

*****📖*****

hoc360.net